



shù kòng xǐ

数控铣

noun · CNC milling

Example Sentence

tā zhèng zài xué xí shù kòng xiǎn jì shù
他正在学习数控铣技术。

He is learning CNC milling technology.

Trace each character, then write the word on your own.

数	数	数	数	数	数	数	数	数	数	数
数	数	数	数	数						

控	控	控	控	控	控	控	控	控	控	控
控	控	控								

铣	铣	铣	铣	铣	铣	铣	铣	铣	铣	铣
铣	铣	铣								